

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày: 14-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Danh;

Bà Dương Thị Sáu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Phước Long – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm: 2001 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ B, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1977 và bà Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm: 1979; vợ: Trương Mỹ T, sinh năm: 2003; con: 01 người, sinh năm: 2021.

- Tiền án, tiền sự: không có.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2023 đến ngày 20/11/2023 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Quốc V, sinh năm: 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 11/11/2023, [Nguyễn Hoàng Đ](#) đi bộ đến quán giải khát của anh [Nguyễn Văn P](#) thuộc [Áp E, xã N, huyện B](#) để mua nước uống thì gặp anh [Lê Quốc V](#), cả hai biết nhau do vài lần gặp và nói chuyện tại quán anh [P](#). Lúc này, [Đ](#) thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150 màu đen, Biển số 71B1-043.07 của anh [V](#) đang dựng trước cửa quán. Do cần tiền tiêu xài, nên [Đ](#) nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh [V](#). Đó nói dối anh [V](#) là cho [Đ](#) mượn xe đi mua cơm, anh [V](#) tin là thật nên đồng ý giao xe mô tô Biển số 71B1-043.07 cho [Đ](#). [Đ](#) lấy xe chạy lên [Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh](#) dùng Điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo đăng nhập ứng dụng Messenger liên lạc với người tên [H1](#) (không rõ nhân thân, lai lịch) để bán xe mô tô Biển số 71B1-043.07, cả hai hẹn gặp nhau khu vực [Quận A](#) (không rõ địa điểm), [Đ](#) bán xe cho [H1](#) được số tiền 5.500.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 14/11/2023, anh [V](#) đến [Công an xã N](#) trình báo việc [Đ](#) chiếm đoạt xe mô tô Biển số 71B1-043.07. Công an đã mời [Đ](#) về trụ sở làm việc, [Đ](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản anh [V](#).

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra có tạm giữ 01 Điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo màu đen, lắp sim số 0569.798.826 của [Nguyễn Hoàng Đ](#) là phương tiện liên lạc để bán xe.

Qua xác minh xe mô tô Biển số 71B1-043.07 do anh [Mai Văn H2](#) đứng tên chứng nhận đã bán cho anh [Lê Quốc V](#) vào tháng 7 năm 2019 với giá 58.000.000 đồng, cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị hại là anh [Lê Quốc V](#) trình bày: Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 11/11/2023, anh [V](#) đang ở quán giải khát của anh [Nguyễn Văn P](#) thuộc [Áp E, xã N, huyện B](#) thì gặp [Nguyễn Hoàng Đ](#). Lúc này, [Đ](#) có mượn anh [V](#) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150 màu đen, Biển số 71B1-043.07 để đi mua cơm. Do trước đó, cả hai biết nhau do vài lần gặp và nói chuyện tại quán anh [P](#), nên anh [V](#) đồng ý cho mượn. Sau đó, [Đ](#) không quay trở lại trả xe. Đến ngày 14/11/2023, anh [V](#) có đến [Công an xã N](#) trình báo sự việc. Hiện tại, anh [V](#) yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô bị chiếm đoạt với số tiền là 19.500.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, anh [V](#) đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 99/KL-HĐĐG ngày 20/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự [huyện B](#), kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150, màu đen, Biển số 71B1-043.07 mua năm 2019 trị giá 19.500.000 đồng

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận định giá này.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSBL, ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng và đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo màu đen, lắp sim số 0569.798.826 của [Nguyễn Hoàng Đ](#) là phương tiện liên lạc để bán xe.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Buộc [Nguyễn Hoàng Đ](#) phải bồi thường cho anh [Lê Quốc V](#) giá trị xe là 19.500.000 đồng.

5. Buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện B](#), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân [huyện B](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai của họ, việc vắng mặt của người làm chứng không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Bị

cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 11/11/2023, [Nguyễn Hoàng Đ](#) gặp anh [Lê Quốc V](#) tại quán giải khát của anh [Nguyễn Văn P](#) thuộc [Ấp E, xã N, huyện B](#). Do cần tiền tiêu xài, [Đ](#) nói dối anh [V](#) mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150 màu đen, Biển số 71B1-043.07 trị giá 19.500.000 đồng của anh [V](#) đi mua cơm nhằm mục đích chiếm đoạt. Anh [V](#) tin là thật nên giao xe cho [Đ](#), [Đ](#) lấy xe đi bán được số tiền 5.500.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà bất chấp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều Điều 174 Bộ luật Hình sự, xét thấy hình phạt chính đối với bị cáo là nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Đối với người tên [H1](#) chưa rõ nhân thân lại lịch mua xe mô tô Biển số 71B1-043.07 do [Đ](#) phạm tội mà có, hiện tại chưa có thông tin về [H1](#), cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về dân sự: Anh [Lê Quốc V](#) yêu cầu Đó bồi thường giá trị xe bị chiếm đoạt với số tiền là 19.500.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường, nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh [V](#) số tiền 19.500.000 đồng.

[11] Về vật chứng: Đối với 01 Điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo màu đen, lắp sim số 0569.798.826 của [Nguyễn Hoàng Đ](#), Đó sử dụng làm phương tiện liên lạc để bán xe, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 15/11/2023.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

- Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo [Nguyễn Hoàng Đ](#) bồi thường cho anh [Lê Quốc V](#) số tiền 19.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo màu đen, lắp sim số 0569.798.826 (vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức theo Quyết định chuyển vật chứng số: 13/QĐ-VKSBL ngày 29/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức)

- Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ; án văn.

Đoàn Thanh Lâm